

CHÍNH PHỦ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 125/2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2013

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: ... 8438 ... Ngày: ... 15/10 ...

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2009/NĐ-CP
ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết
và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự
về thủ tục thi hành án dân sự**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị
định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ quy định
chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự về thủ
tục thi hành án dân sự.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2009/NĐ-CP
ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn
thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự về thủ tục thi hành án
dân sự:**

1. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 4. Nhận đơn yêu cầu thi hành án

1. Việc cấp hoặc gửi bằng đường bưu điện giấy biên nhận cho người
nộp đơn phải thực hiện ngay sau khi nhận được đơn.

2. Đơn yêu cầu thi hành án phải có đầy đủ các nội dung theo quy định
tại Điều 31 Luật thi hành án dân sự.

Trường hợp đơn yêu cầu thi hành án không có đầy đủ các nội dung theo
quy định hoặc không nêu rõ thông tin về điều kiện thi hành án của người phải
thi hành án nhưng không yêu cầu xác minh thì cơ quan thi hành án dân sự
thông báo để đương sự bổ sung nội dung đơn yêu cầu thi hành án trước khi ra
quyết định thi hành án. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo,

nếu người được thi hành án không bổ sung hoặc bổ sung không đúng nội dung quy định tại Điều 31 Luật thi hành án dân sự thì cơ quan thi hành án dân sự không thụ lý đơn yêu cầu thi hành án và có văn bản trả lời cho đương sự biết, trừ trường hợp do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn, nếu có căn cứ từ chối nhận đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự phải gửi văn bản thông báo cho đương sự biết về việc từ chối nhận đơn và nêu rõ lý do.”

2. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5. Ra quyết định thi hành án

1. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra một quyết định thi hành án chung cho các khoản thuộc diện chủ động thi hành trong một bản án, quyết định, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 của Điều này.

2. Trường hợp trong một bản án, quyết định có các khoản chủ động về trả lại tiền, tài sản thì đối với mỗi người được thi hành án, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra một quyết định thi hành án đối với các khoản đó.

3. Trường hợp trong một bản án, quyết định có nhiều người phải thi hành nhiều khoản chủ động khác nhau thì đối với mỗi người phải thi hành án, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra một quyết định thi hành án chung cho các khoản thuộc diện chủ động thi hành án mà người đó phải thi hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 của Điều này.

4. Trường hợp thi hành quyền, nghĩa vụ liên đới thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra một quyết định thi hành án chung cho những người có quyền, nghĩa vụ liên đới.

5. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra một quyết định thi hành án cho mỗi đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp trong bản án, quyết định có một người phải thi hành án cho nhiều người được thi hành án và các đương sự nộp đơn yêu cầu thi hành án vào cùng thời điểm thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra một quyết định thi hành án chung cho nhiều đơn yêu cầu.

Trường hợp nhiều người được nhận một tài sản cụ thể theo bản án, quyết định, nhưng chỉ có một số người có đơn yêu cầu thi hành án thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án đối với những người đã có đơn yêu cầu, đồng thời thông báo cho những người được thi hành khác theo bản án, quyết định đó biết để làm đơn yêu cầu thi hành án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Hết thời hạn trên, nếu người được thông báo không yêu cầu thi hành án thì Chấp hành viên tổ chức giao tài sản cho người đã có đơn yêu cầu thi hành án để quản lý. Quyền và lợi ích hợp pháp của những người được thi hành án đối với tài sản đó được giải quyết theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp sau khi trừ đi thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mà thời hiệu yêu cầu thi hành án vẫn còn thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định khôi phục thời hiệu yêu cầu thi hành án; trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định khôi phục thời hiệu yêu cầu thi hành án, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phải ra quyết định thi hành án. Trường hợp đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự từ chối nhận đơn yêu cầu thi hành án theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Trường hợp đã ra quyết định thi hành án mà thời hiệu yêu cầu thi hành án đã hết thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thu hồi quyết định thi hành án đã ban hành. Người có lỗi trong việc ra quyết định thi hành án đối với bản án, quyết định đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật”.

3. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 6. Xác minh điều kiện thi hành án

1. Người được thi hành án có quyền tự mình hoặc ủy quyền cho người khác xác minh điều kiện thi hành án. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang nắm giữ thông tin hoặc quản lý tài sản, tài khoản của người phải thi hành án có trách nhiệm cung cấp thông tin khi người được thi hành án hoặc người đại diện theo ủy quyền của người được thi hành án có yêu cầu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân từ chối cung cấp thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Kết quả xác minh được công nhận và làm căn cứ để tổ chức việc thi hành án, trừ trường hợp Chấp hành viên thấy cần thiết phải xác minh lại. Việc xác minh lại của Chấp hành viên được tiến hành trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh do đương sự cung cấp.

Trường hợp người được thi hành án, cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin sai sự thật về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, thanh toán các chi phí phát sinh, trường hợp gây ra thiệt hại thì phải bồi thường.

2. Người được thi hành án khi yêu cầu Chấp hành viên xác minh điều kiện thi hành án phải xuất trình biên bản làm việc hoặc các tài liệu hợp pháp khác để chứng minh việc người đó hoặc người đại diện theo ủy quyền đã tiến hành xác minh tại các cơ quan, tổ chức, cá nhân đang nắm giữ các thông tin về tài sản, đang quản lý tài sản, tài khoản của người phải thi hành án nhưng không có kết quả, trừ trường hợp người được thi hành án thuộc diện gia đình chính sách, có công với cách mạng hoặc là người neo đơn, tàn tật, ốm đau kéo dài, có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định này.

Việc xác minh tại các cơ quan, tổ chức, cá nhân được coi là không có kết quả khi người được thi hành án hoặc người được ủy quyền chứng minh đã trực tiếp hoặc yêu cầu bằng văn bản nhưng đã quá thời hạn 01 tháng kể từ ngày yêu cầu nhưng không nhận được văn bản trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân mà không có lý do chính đáng.

3. Trường hợp người phải thi hành án phải thi hành đồng thời cả khoản nghĩa vụ thi hành án theo đơn yêu cầu và nghĩa vụ thi hành án thuộc diện Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự chủ động ra quyết định thi hành án thì việc xác minh điều kiện thi hành án của đương sự được Chấp hành viên chủ động tiến hành cho đến khi người phải thi hành án thi hành xong khoản nghĩa vụ thuộc diện chủ động.

Kết quả xác minh do Chấp hành viên chủ động tiến hành cũng được công nhận để tổ chức thi hành khoản nghĩa vụ theo đơn yêu cầu. Việc xác minh các tài sản tiếp theo của người phải thi hành án được tiến hành theo yêu cầu của người được thi hành án.

4. Khi xác minh trực tiếp, Chấp hành viên phải xác minh cụ thể điều kiện kinh tế, hiện trạng tài sản, căn cứ vào nội dung trình bày của đương sự hoặc cơ quan, tổ chức khác cung cấp. Người phải thi hành án có trách nhiệm kê khai các loại tài sản, thu nhập và thông tin về tài sản, thu nhập để thi hành án và cam kết về tính trung thực của việc kê khai đó.

Đối với các tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, sử dụng, đăng ký giao dịch bảo đảm thì còn phải xác minh tại các cơ quan có chức năng đăng ký tài sản đó.

Đối với người phải thi hành án là cơ quan, tổ chức, Chấp hành viên trực tiếp xem xét tài sản, kiểm tra hệ thống sổ sách quản lý vốn, tài sản, xác minh tại các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đang quản lý, bảo quản, lưu giữ thông tin về tài sản, tài khoản của người phải thi hành án.

Chấp hành viên có quyền mời cơ quan chuyên môn hoặc chuyên gia để làm rõ các nội dung cần xác minh. Các cơ quan, tổ chức, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã và các cá nhân có liên quan phải thực hiện yêu cầu của Chấp hành viên và phải chịu trách nhiệm về các nội dung thông tin đã cung cấp.

5. Đối với việc thi hành án thuộc diện chủ động thi hành án mà người phải thi hành án không có điều kiện thi hành án thì ít nhất 6 tháng một lần Chấp hành viên phải thực hiện xác minh điều kiện thi hành án của đương sự. Trường hợp người phải thi hành án không có điều kiện thi hành án mà đang chấp hành hình phạt tù hoặc không xác định được địa chỉ, nơi cư trú mới thì thời hạn xác minh giữa các lần không được quá một năm.

Phạm vi xác minh điều kiện thi hành án theo đơn yêu cầu được thực hiện theo yêu cầu của người được thi hành án. Người được thi hành án có nghĩa vụ chứng minh việc người phải thi hành án có tài sản để thi hành án và yêu cầu thi hành án trở lại trong trường hợp Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định trả lại đơn yêu cầu thi hành án.

6. Khi xác minh điều kiện thi hành án, Chấp hành viên phải xuất trình thẻ Chấp hành viên hoặc giấy tờ chứng minh là người có thẩm quyền xác minh điều kiện thi hành án. Trường hợp xác minh trực tiếp thì phải lập biên bản. Trường hợp xác minh thông qua cơ quan, tổ chức, cá nhân thì phải bằng văn bản nêu rõ nội dung xác minh và các thông tin cần thiết khác. Bảo hiểm xã hội Việt Nam, các tổ chức tín dụng, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm, công chứng và các cơ quan, tổ chức khác đang nắm giữ thông tin hoặc quản lý tài sản, tài khoản của người phải thi hành án có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho Chấp hành viên trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Chấp hành viên.

7. Việc thi hành án dân sự được coi là chưa có điều kiện thi hành án trong các trường hợp sau đây:

a) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật thi hành án dân sự;

b) Hoãn, tạm đình chỉ thi hành án theo quy định của pháp luật.”

4. Bổ sung Điều 8a như sau:

“Điều 8a. Chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án

1. Trường hợp chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 54 Luật thi hành án dân sự do doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần mà trước đó chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ thi hành án của mình thì sau khi chuyển đổi, công ty cổ phần tiếp tục thực hiện quyền, nghĩa vụ thi hành án.

2. Quyền, nghĩa vụ thi hành án được chuyển giao cho người khác theo quy định của pháp luật về thừa kế thì cơ quan thi hành án dân sự thực hiện như sau:

a) Trường hợp thi hành nghĩa vụ về trả tài sản mà người phải thi hành án đã chết nhưng có người đang trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản đó thì cơ quan thi hành án dân sự ấn định trong thời hạn 30 ngày để người quản lý, sử dụng tài sản của người phải thi hành án giao tài sản cho người được thi hành án. Hết thời hạn này mà họ không thực hiện hoặc tài sản không có người quản lý, sử dụng trực tiếp thì cơ quan thi hành án dân sự tổ chức giao tài sản, kể cả cưỡng chế giao tài sản cho người được thi hành án theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp người phải thi hành nghĩa vụ về thanh toán tiền đã chết mà có để lại tài sản thì cơ quan thi hành án dân sự có văn bản thông báo, ấn định trong thời hạn 30 ngày để người thừa kế hoặc người quản lý di sản của người phải thi hành án thoả thuận thực hiện nghĩa vụ thi hành án của người phải thi hành án để lại. Hết thời hạn này, nếu người thừa kế hoặc người quản lý di sản không thoả thuận hoặc không thoả thuận được việc thực hiện nghĩa vụ của người phải thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án, biện pháp cưỡng chế thi hành án đối với tài sản để